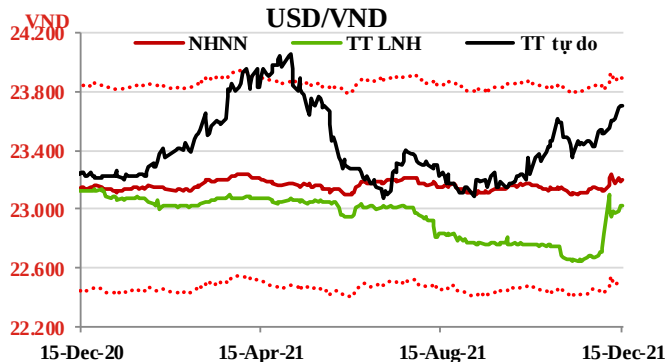




Lãi suất LNH					Trái phiếu		
Kỳ hạn	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	0.69	0.00	0.14	-0.01	3Y	0.67	0.000
1W	0.80	0.00	0.17	-0.02	5Y	0.80	0.004
2W	0.91	0.01	0.22	-0.01	7Y	1.17	0.000
1M	1.35	0.12	0.31	0.00	10Y	2.07	-0.006
2M	1.65	0.13	0.38	-0.01	15Y	2.35	0.001
3M	1.78	0.17	0.47	-0.02			
6M	1.98	0.09	0.76	-0.03			
9M	2.41	0.03	1.11	-0.01			
1Y	3.19	0.26	1.20	0.02			

Nguồn: Reuters

Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)

Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bơm/hút ròng	KL lưu hành
15-12-21	1	91	2.50	5,000	-	-	-	-
14-12-21	1	91	2.50	5,000	-	-	-	-
13-12-21	1	91	2.50	5,000	-	-	-	-

Thị trường TPCP sơ cấp

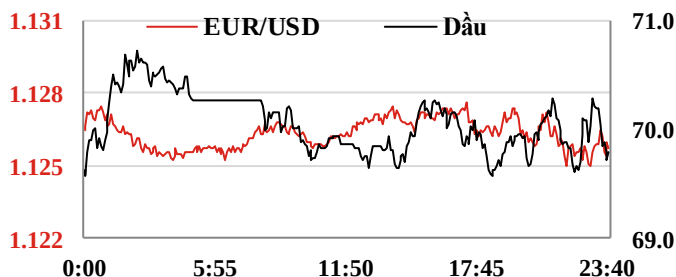
Đơn vị: tỷ đồng

TCPH	Ngày ĐT	Kỳ hạn	KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi
MOF	15-Dec-21	5	500	0	0.00%	0.00%
MOF	15-Dec-21	15	3000	3000	2.34%	-0.02%
MOF	15-Dec-21	20	2000	2000	2.77%	-0.01%
MOF	15-Dec-21	30	2000	2000	2.98%	0.00%
Tổng			7500	7000		

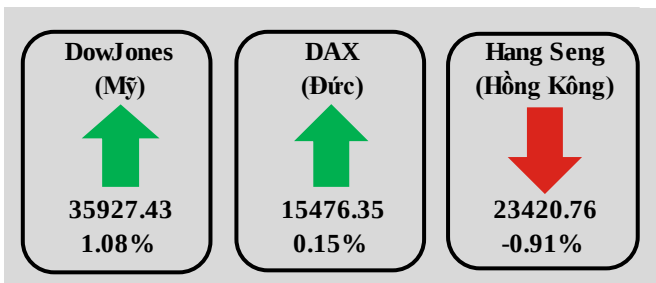
	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1475.50	453.70	111.72
%/ngày	-0.04%	-0.22%	-0.33%
%/31/12/2020	33.67%	123.4%	50.1%
KLGD (tr.đ.v)	906.08	112.76	70.1
GTGD (tỷ đ)	25916.43	3079.01	1559.52
NĐTNN mua (tỷ đ)	1302.02	5.54	0.54
NĐTNN bán (tỷ đ)	1451.68	12.17	0.25

Tin trong nước ngày 15/12

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 15/12, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.195 VND/USD, tăng nhẹ 05 đồng so với phiên đầu tuần. Tỷ giá mua giao ngay và tỷ giá bán được NHNN giữ nguyên niêm yết lần lượt ở mức 22.650 VND/USD và 23.150 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 23.030 VND/USD, tiếp tục tăng 10 đồng so với phiên 14/12. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng 20 đồng ở chiều mua vào trong khi không thay đổi ở chiều bán ra, giao dịch tại 23.660 VND/USD và 23.700 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 15/12, lãi suất chào bình quân LNH VND đi ngang ở các kỳ hạn ngắn trong khi tăng 0,01 và 0,12 đpt lần lượt ở các kỳ hạn 2W và 1M so với phiên trước đó, cụ thể: ON 0,69%; 1W 0,80%; 2W 0,91 và 1M 1,35%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giảm 0,01 – 0,02 đpt ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ giữ nguyên ở kỳ hạn 1M, giao dịch tại: ON 0,14; 1W 0,17%; 2W 0,22%, 1M 0,31%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp không thay đổi các ở kỳ hạn 3Y và 7Y trong khi giảm nhẹ ở kỳ hạn 10Y, tăng nhẹ ở các kỳ hạn còn lại, cụ thể: 3Y 0,67%; 5Y 0,80%; 7Y 1,17%; 10Y 2,07%; 15Y 2,35%.
- Nghịệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN tiếp tục chào thầu 5.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 91 ngày, lãi suất ở mức 2,50%. Không có khối lượng trúng thầu, không có khối lượng lưu hành trên kênh này.
- Thị trường TPCP:** Ngày 15/12, KBNN huy động thành công 7.000/7.500 tỷ đồng TPCP gọi thầu (tỷ lệ trúng thầu 93%). Trong đó, ngoại trừ kỳ hạn 5 năm đầu thầu thất bại, các kỳ hạn 15 năm, 20 năm và 30 năm huy động toàn bộ lần lượt 3.000 tỷ đồng, 2.000 tỷ và 2.000 tỷ. Lãi suất trúng thầu các kỳ hạn lần lượt tại 2,34%/năm (-0,02%); 2,77%/năm (-0,01%) và 2,98%/năm (không đổi).
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, trạng thái phân hóa của các cổ phiếu khiến thị trường dao động quanh mốc tham chiếu. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm nhẹ 0,52 điểm (-0,04%), xuống 1.475,50 điểm; HNX-Index giảm 0,98 điểm (-0,22%) xuống 453,70 điểm; UPCoM-Index giảm 0,36 điểm (-0,32%), đóng cửa tại 111,72 điểm. Thanh khoản thị trường giảm nhẹ so với phiên trước đó với tổng giá trị giao dịch đạt gần 30.600 tỷ VND. Khối ngoại bán ròng 156 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Theo Bộ Tài chính, trong tháng 11 năm 2021, Chính phủ ký kết 02 hiệp định với Cơ quan phát triển Pháp (AFD),** trong đó có 1 hiệp định thỏa thuận vay trị giá khoảng 27,6 triệu USD và 1 thỏa thuận viện trợ trị giá khoảng 1,7 triệu USD. Lũy kế 11 tháng, Chính phủ đã ký kết 03 hiệp định vay, tổng trị giá khoảng 375 triệu USD. Về rút vốn, trong tháng 11 năm 2021 đã thực hiện rút vốn vay nước ngoài của Chính phủ khoảng 171,3 triệu USD. Lũy kế 11 tháng đã thực hiện rút vốn vay nước ngoài của Chính phủ khoảng 1.330,4 triệu USD, tương đương khoảng 30.720 tỷ đồng, đạt 60% kế hoạch cả năm được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, trong đó cấp phát khoảng 995 triệu USD (22.965 tỷ đồng, 68% kế hoạch), cho vay lại khoảng 336 triệu USD (7.755 tỷ đồng, 45% kế hoạch).



	15 Dec 21	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	96.51	-0.06%	0.64%	7.31%
USD/CNY	6.37	0.00%	0.38%	-2.42%
USD/EUR	0.89	-0.25%	0.51%	8.22%
USD/JPY	114.02	0.27%	0.32%	10.44%
USD/KRW	1184.57	-0.05%	0.80%	9.23%
USD/SGD	1.37	-0.35%	0.33%	3.35%
USD/TWD	27.78	-0.18%	0.22%	-1.05%
USD/THB	33.42	0.03%	-0.21%	11.25%
USD/VND Trung tâm	23195	0.02%	-0.18%	0.28%
USD/VND LNH	23030	0.04%	0.35%	-0.25%
USD/VND tự do	23660	0.08%	0.51%	1.55%
Vàng	1777.06	0.39%	-0.28%	-6.30%
Dầu	70.87	0.20%	-2.06%	46.06%



Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR	
	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.0781	0.0095		
SW	0.0785	0.0011		
1M	0.1086	0.0011	0.3024	0.0000
2M	0.1579	0.0082		
3M	0.2156	0.0047	0.4375	0.0000
6M	0.3015	0.0104	0.5932	0.0000
1Y	0.5169	0.0190	0.0000	0.0000

Số liệu SIBOR ngày 14/12/2021

Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	1,25%	0,25%	15/03/2020	25/01/2022
Châu Âu	EUR	0,5%	0,00%	10/03/2016	16/12/2021
Anh	GBP	0,25%	0,10%	19/03/2020	16/12/2021
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	17/12/2021
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	01/02/2022

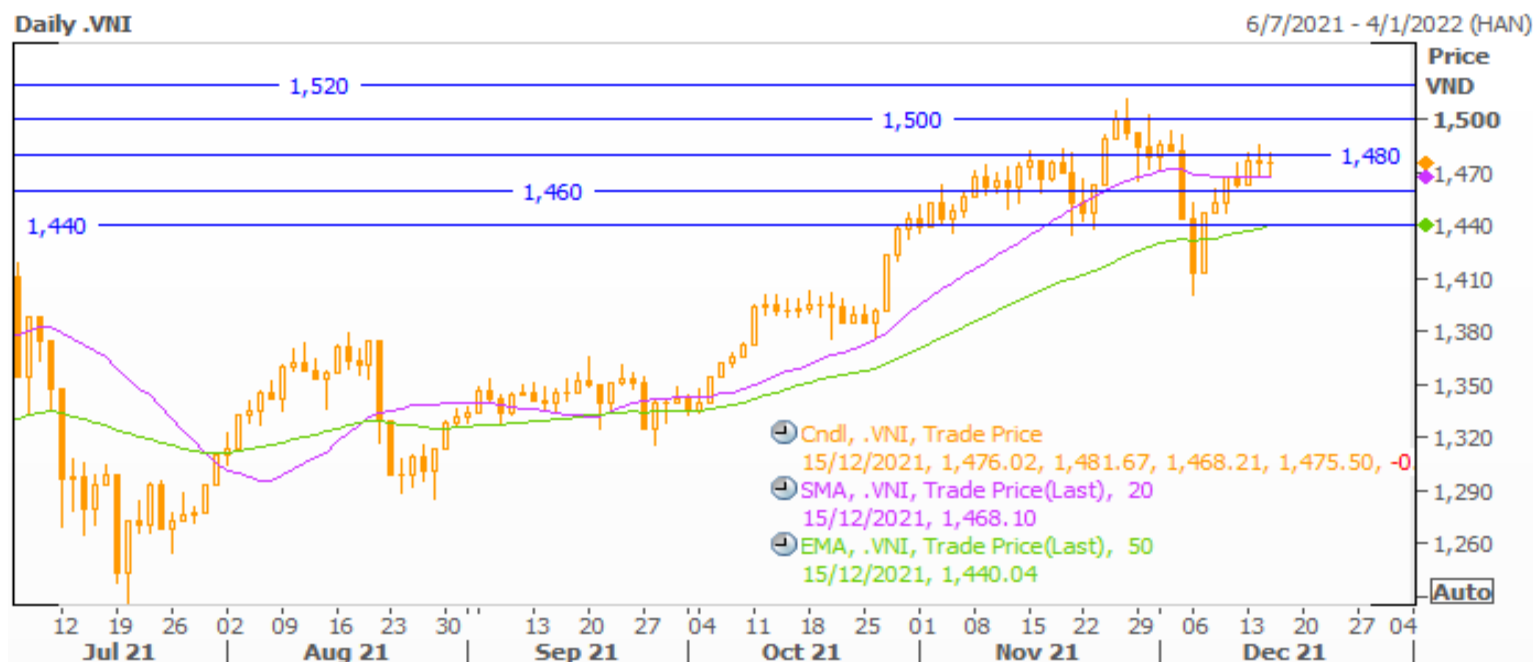
Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

Tin quốc tế

- Fed tuyên bố giữ lãi suất chính sách ở mức hiện tại nhưng đưa ra tín hiệu nâng lãi suất chính sách 3 lần trong năm 2022 và sớm kết thúc chương trình mua tài sản.** Sau cuộc họp chính sách cuối cùng của năm 2021 vừa diễn ra 2 ngày qua, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ Fed cho biết Fed có thể sẽ sớm kết thúc chương trình mua tài sản vào tháng 3/2022 bằng cách tăng gấp đôi tốc độ giảm mua trái phiếu; đồng thời nhiều khả năng sẽ có 3 lần tăng LSCS trong năm 2022. Thời điểm tăng lãi suất chưa xác định, tùy thuộc vào thị trường lao động và lạm phát. Đồ thị dot-plot được công bố sau cuộc họp cho thấy LSCS sẽ được nâng lên mức 0,75-1,0% cho đến cuối năm 2022, mức 1,50-1,75% năm 2023 và 2,0-2,25% năm 2024, gần đến mức Fed cho rằng có thể cản trở các hoạt động kinh tế. Fed tuyên bố nền kinh tế không còn cần đến những hỗ trợ chính sách như hiện nay. Fed dự báo lạm phát có thể ở mức 2,6% vào cuối năm sau, cao hơn mức dự báo 2,2% trong tháng 9; tỷ lệ thất nghiệp được dự báo sẽ giảm xuống mức 3,5%, gần với mức toàn dụng nhân công.
- Doanh số bán lẻ tại Mỹ giảm tốc trong tháng 11.** Cơ quan Điều tra dân số Mỹ cho biết doanh số bán lẻ lõi và doanh số bán lẻ toàn phần tại nước này cùng tăng 0,3% m/m trong tháng 11, sau khi cùng tăng 1,8% ở tháng 10, đều thấp hơn dự báo lần lượt tăng 0,9% và 0,8%. So với cùng kỳ năm 2020, doanh số bán lẻ toàn phần vẫn tăng 18,2%. Tuy nhiên, dữ liệu thống kê cho thấy người tiêu dùng tại Mỹ đã bị ảnh hưởng bởi các thông điệp về sự thiếu hụt nguồn cung và giá cả tăng cao. Một số ý kiến cho rằng sức tiêu dùng của thị trường có thể sẽ không tăng nhiều trong tháng 12 dù cho có yếu tố mùa vụ của lễ hội Giáng Sinh.
- Áp lực lạm phát tại nước Anh tăng cao lên mức kỷ lục.** Văn phòng Thống kê Quốc gia Anh ONS cho biết CPI toàn phần và CPI lõi tại nước này lần lượt tăng 5,1% và 4,0% y/y trong tháng 11, cao hơn nhiều so với mức 4,2% và 3,4% của tháng 10, đồng thời cao hơn mức 4,8% và 3,7% theo dự báo. Đây là các chỉ số về CPI cao nhất của nước Anh kể từ tháng 09/2011. ONS cho biết giá xăng dầu cao là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự tăng giá của các loại mặt hàng khác. Tuy nhiên, hiện tại giá xăng dầu cũng đã hạ nhiệt, song giá của các loại hàng hóa và dịch vụ vẫn đi lên, chứng tỏ áp lực lạm phát đang diễn ra trên toàn bộ nền kinh tế. NHTW Anh BOE sẽ có cuộc họp cuối năm vào hôm nay 16/12. Kết quả của cuộc họp sẽ được công bố vào 19:00 theo giờ Việt Nam.

Lịch công bố các chỉ số kinh tế:

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
15-12	14:00	***	CPI Anh y/y T11	5.1	4.8	4.2
15-12	14:00	*	CPI lõi Anh y/y T11	4.0	3.7	3.4
15-12	20:30	***	Doanh số bán lẻ lõi Mỹ mm T11	0.3	0.9	1.8
15-12	20:30	***	Doanh số bán lẻ Mỹ mm T11	0.3	0.8	1.8
16-12	2:00	***	LSCS Cục Dự trữ Liên bang Mỹ Fed		<0.25	<0.25
16-12	7:30	***	Số thay đổi việc làm tại Úc T11		203.0K	-46.3K
16-12	7:30	***	Tỷ lệ thất nghiệp tại Úc T11		5.0	5.2
16-12	15:30	***	PMI sơ bộ lĩnh vực sản xuất Đức T12		57.0	57.4
16-12	15:30	***	PMI sơ bộ lĩnh vực dịch vụ Đức T12		50.9	52.7
16-12	16:30	**	PMI sơ bộ lĩnh vực sản xuất Anh T12		57.5	58.1
16-12	16:30	**	PMI sơ bộ lĩnh vực dịch vụ Anh T12		57.1	58.5
16-12	19:00	***	LSCS NHTW Anh BOE		0.1	0.1
16-12	20:30	**	Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ 1w		196K	184K



VN-Index giảm nhẹ xuống mức 1475,50 điểm. Vùng hỗ trợ ngắn hạn 1.465-1.470 điểm (SMA20) tiếp tục hỗ trợ tốt cho thị trường, cho thấy khả năng chỉ số tiếp tục tăng trong ngắn hạn.

Ngưỡng hỗ trợ: 1.460 – 1.440

Ngưỡng kháng cự: 1.500 – 1.520

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: tranghtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn